TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày: 04-4-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.

2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm*** *tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2024/TLST–DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 65/2025/QĐST – DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Cam Yến N**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: số 22, đường số 5, phường H, thành phố T, tỉnh D.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ liên hệ: số 62, đường 2/9, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp Hưng Hoà Tây, xã H, huyện G, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Tân Thanh Hạ, xã T, huyện M, tỉnh B.

(Tại phiên tòa, ông T bà H có mặt, ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Cam Yến N, người đại diện theo uỷ quyền là ông Phạm Văn T trình bày:

Trước đây, thông qua một người quen thì bà N có biết ông Nguyễn Minh C và được ông C giới thiệu phần đất của bà Nguyễn Thị Bé H đang cần bán là thửa

282, tờ bản đồ 17, diện tích 345,6m^2 toạ lạc tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 25/8/2023 bà H ký Hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng cho bà N thửa đất nêu trên. Hai bên thoả thuận giá chuyển nhượng thửa đất là 420.000.000 đồng. Theo thoả thuận thì bà N đặt cọc đủ số tiền 420.000.000 đồng là giá trị của thửa đất để bà H tất toán khoản vay thế chấp thửa đất với Ngân hàng và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra rồi hẹn đến ngày 29/8/2023 sẽ tiến hành thủ tục công chứng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ngay sau ký kết hợp đồng đặt cọc bà N cũng đã thực hiện chuyển khoản số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản bà H và đưa tiền mặt số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng là 420.000.000 đồng.

Đến ngày 29/8/2023, bà N liên hệ bà H để ký kết hợp đồng chuyển nhượng sang tên thửa đất thì bà H cho biết là chưa lấy được sổ từ Ngân hàng và kêu bà N chờ nữa tháng để nhân viên tín dụng hoàn thiện hồ sơ trình cấp trên phê duyệt tất toán khoản vay xong rồi sẽ lấy sổ ra công chứng nên bà N đồng ý chờ thêm vài ngày. Ngày 15/9/2023, bà N liên hệ bà H để thực hiện thủ tục công chứng thửa đất thì bà H cho biết là đã bị ông C lừa lấy hết tiền và giờ không thể nào tất toán khoản vay để lấy sổ đất ra được nên đề nghị bà N cho thêm thời gian để lo liệu nguồn tiền giải quyết. Thấy thời gian lâu nhưng bà H và ông C vẫn không liên hệ để giải quyết vấn đề thì bà N có gặp ông C và bà H để hỏi lý do thì ông C có viết giấy xác nhận nội dung là đã nhận 400.000.000 đồng từ bà H nhưng đã sử dụng vào mục đích riêng nên chưa tất toán khoản vay trong Ngân hàng. Bà H thì nói là không có tiền để tất toán Ngân hàng. Ông C có hứa là ngày 20/10/2023 trả tiền lại cho bà H thì bà N cũng đợi nhưng ông C không thực hiện. Việc ông C và bà H có thoả thuận riêng với nhau như thế nào thì bà H không biết. Bà N là người giao tiền cho bà H để nhận chuyển nhượng đất nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện thoả thuận mà đưa ra nhiều lý do để kéo dài thời gian, từ chối thực hiện nghĩa vụ của mình. Do bà H không thực hiện được như Hợp đồng đặt cọc nên bà N yêu cầu bà H trả cho bà N số tiền đặt cọc là 420.000.000 đồng và yêu cầu phạt cọc 420.000.000 đồng do bà H vi phạm hợp đồng, tổng cộng là 840.000.000 đồng.

Đối với các xác nhận chuyển khoản Ngân hàng bà H cung cấp thì đây là khoản tiền riêng mà ông C đã vay của bà N để kinh doanh quán ăn, không liên quan đến số tiền bà N chuyển cho bà H.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Vào ngày 25/8/2023 qua giới thiệu của ông Nguyễn Minh C thì bà có vay tiền của bà Cam Yến N, mục đích là để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi được bà N đồng ý cho vay tiền thì giữa bà và bà N có ký Hợp đặt cọc để chuyển nhượng thửa đất số 282, tờ bản đồ 17, diện tích 345,6m^2 toạ lạc tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hình thức ký hợp đồng đặt cọc này là để giải cách cho việc vay tiền. Trong Hợp đồng đặt cọc ghi số tiền là 420.000.000 đồng nhưng thực tế bà chỉ vay của bà N 400.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc thì bà N có chuyển khoản cho bà số tiền 380.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng thì bà N nói là lấy tiền lãi trước, lúc chuyển tiền cũng có mặt ông C. Việc vay tiền giữa bà và bà N là thông qua

ông C, việc thoả thuận lãi suất cũng ông C thoả thuận với bà N. Sau khi bà N chuyển tiền cho bà thì bà chuyển tiền cho ông C để nhờ ông C đáo hạn Ngân hàng. Do bà bận công việc nên bà đưa Căn cước công dân của bà để cho bà N và ông C đến Ngân hàng để làm thủ tục đáo hạn. Vài ngày sau thì ông C liên lạc nói là 10 ngày nữa mới đáo hạn Ngân hàng còn tiền lãi đóng cho bà N thì để ông C đóng, mỗi lần đóng lãi cho bà N thì ông C có chụp hình để gửi cho bà và bà đã cung cấp hình ảnh này cho Toà án. Bà nhiều lần liên hệ với ông C để hỏi về việc đáo hạn Ngân hàng nhưng ông C cứ hẹn lần, hẹn lượt, sau này ông C mới thừa nhận là đã lấy tiền của bà để sử dụng vào mục đích riêng, chưa đáo hạn Ngân hàng cho bà như đã thoả thuận trước đó. Đến ngày 05/10/2023 thì ông C có viết giấy cam kết nội dung là đã lấy số tiền 400.000.000 đồng của bà để sử dụng việc riêng và hứa đến ngày 20/10/2023 sẽ hoàn trả tiền lại cho bà. Khi viết giấy cam kết thì bà N cũng có làm chứng là có viết nội dung "Tôi là Cam Yến N xác nhận có ck cho chị Hường số tiền 400.000.000 đồng" và có ký tên. Đến thời hạn trả tiền như cam kết thì ông C cũng không thực hiện và bà cũng không còn liên lạc được với ông C. Đến tháng 3/2024 thì bà có gửi đơn tố giác đến Công an thành phố Bến Tre để tố giác ông C về việc ông C lừa đảo chiếm dụng tiền của bà và vụ việc đang được Công an điều tra, xác minh. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà cũng đồng ý trả cho chị Ngọc số tiền đã vay là 400.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng ông Nguyễn Minh C đều vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông C.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Khi hai bên ký hợp đồng đặt cọc thì bà N chuyển khoản cho bà H số tiền 380.000.000 đồng và đưa tiền mặt là 40.000.000 đồng, việc đưa tiền mặt không có làm giấy tờ tuy nhiên thể hiện trong hợp đồng đặt cọc tổng cộng là 420.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc và giao tiền cho bà H thì bà N có đến xem đất để xác định đúng thửa đất mà Hường đang thế chấp vay Ngân hàng. Chữ viết tay trong hợp đồng đặt cọc là do bà N viết. Nội dung "Hỗ trợ bên A tiền rút sổ từ ngân hàng để công chứng hẹn 29/8 công chứng" cũng do bà N viết và nội dung này để các bên ngầm hiểu là đến ngày 29/8/2023 sẽ ký công chứng thửa đất làm thủ tục chuyển nhượng. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H trả tiền đặt cọc và phạt cọc tổng cộng là 840.000.000 đồng.

Đối với các xác nhận chuyển khoản Ngân hàng thì đây là các khoản tiền mà ông C chuyển cho bà N để nhờ bà N mua hàng giùm ông C thời điểm ông C kinh doanh quán ăn, không liên quan đến Hợp đồng đặt cọc giữa bà N và bà H.

Bà H trình bày: Thực chất của việc ký hợp đồng chuyển nhượng giữa bà và bà N là để giả cách cho hợp đồng vay. Do bà cần đáo hạn Ngân hàng nên vay của bà N số tiền 420.000.000 đồng thông qua ông C. Bà N chỉ chuyển khoản cho bà 380.000.000 đồng còn 40.000.000 đồng là phí và lãi vay. Sau khi bà nhận tiền từ bà N thì bà chuyển tiền cho ông C để ông C đáo hạn Ngân hàng giùm bà. Sau đó thì

ông C không thực hiện mà sử dụng tiền và mục đích cá nhân của ông C nên ông C chịu trách nhiệm đóng lãi cho bà N, ông C đóng tiền lãi cho bà N bao nhiêu thì bà không biết. Ông C có làm giấy xác nhận nội dung là ông C thừa nhận việc bà có chuyển cho ông C 400.000.000 đồng để tất toán Ngân hàng nhưng ông C đã sử dụng vào việc riêng và hẹn đến ngày 05/10/2023 sẽ trả tiền lại cho bà. Sau đó thì bà không còn liên lạc được với ông C và không có khả năng thanh toán lại tiền cho bà N. Nay theo yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà đồng ý trả số tiền 420.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia đầy đủ các phiên họp, hoà giải, đối chất nên chưa thực hiện hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cam Yến N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Hường trả số tiền đặt cọc là 420.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà H chịu phạt cọc do vi phạm hợp đồng đặt cọc số tiền 420.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Ông Nguyễn Minh C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Nguyên đơn bà H cho rằng vào ngày 25/8/2023 giữa bà và bà H có ký hợp đồng đặt cọc để đảm bảo giao kết hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 282, tờ bản đồ 17, diện tích 345,6m^2 toạ lạc tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Do bà H nói là đang vay Ngân hàng 420.000.000 đồng nên hai bên lập hợp đồng đặt cọc số tiền 420.000.000 đồng bằng giá trị thửa đất để bà H tất toán

Ngân hàng lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra để thực hiện thủ tục chuyển nhượng đất. Bà đã giao đủ số tiền cho bà H theo như hợp đồng đặt cọc. Tài liệu chứng cứ bà N cung cấp là bản chính Hợp đồng đặt cọc ngày 25/8/2023 có thể hiện nội dung bên bán (Bên A) là bà Nguyễn Thị Bé H, bên mua (Bên B) là bà Cam Yến N; đối tượng chuyển nhượng là thửa đất 282, tờ bản đồ 17, phương thức thanh toán và điều kiện thanh toán ngày 25/8/2023 số tiền 420.000.000 đồng (ck + tiền mặt). Bà H thừa nhận chữ ký và dấu lăn tay phía dưới chữ "Bên A" trong Hợp đồng đặt cọc là của bà nhưng và bà cho rằng việc ký hợp đồng đặt cọc chỉ để giả cách cho việc bà vay của bà N số tiền 420.000.000 đồng, bà chỉ nhận từ bà N 380.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh được việc các bên ký hợp đồng đặt cọc là giả cách cho hợp đồng vay tiền.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc các bên tham gia giao dịch đều có đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có căn cứ xác định "Hợp đồng đặt cọc" được ký kết giữa bà N và bà H phù hợp với quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự.

Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện: bà H thế chấp tài sản là bất động sản tại thửa đất số 282, tờ bản đồ 17, diện tích 345,6m^2 toạ lạc tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo hồ sơ số 006502.TC.003 ngày 07/3/2023. Như vậy, tại thời điểm bà H ký kết hợp đồng đặt cọc với bà N thì thửa đất trên đang được bà H thế chấp tại Ngân hàng nhưng đến nay Hường vẫn chưa thực hiện thủ tục tất toán cho Ngân hàng, chưa nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng nên chưa ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà N. Bà N nhiều lần liên hệ nhưng bà H vẫn không thực hiện, do bà H vi phạm hợp đồng nên bà N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại số tiền đặt cọc 420.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 328 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bà H trả số tiền phạt cọc 420.000.000 đồng:

Nguyên đơn cho rằng nội dung "Hỗ trợ bên A tiền rút sổ từ ngân hàng để công chứng hẹn 29/8 công chứng" được viết tay thêm tại Hợp đồng đặt cọc tức là hai bên thoả thuận ngày 29/8/2023 sẽ công chứng thửa đất làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà H thì cho rằng nội dung này là để hẹn ngày 29/8/2023 công chứng hợp đồng vay.

Xét thấy: nội dung "Hỗ trợ bên A tiền rút sổ từ ngân hàng để công chứng hẹn 29/8 công chứng" chỉ ghi là công chứng thì không xác định được đối tượng công chứng, không thể hiện rõ ràng thời điểm hai bên thoả thuận ký hợp đồng chuyển nhượng như nguyên đơn trình bày. Mặc dù, bà H vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đặt cọc. Tuy nhiên, bà N cũng biết việc bà H chuyển tiền cho ông C để đáo hạn Ngân hàng nhưng ông C đã sử dụng tiền vào mục đích riêng, không đáo hạn Ngân hàng cho bà H, điều này thể hiện ở việc bà N có ký tên vào Giấy xác nhận của ông

C. Như vậy, xác định lỗi dẫn đến không thực hiện được hợp đồng đặt cọc không do lỗi chủ quan của bà H. Do đó, không chấp nhận yêu cầu phạt cọc của bà N.

[2.3] Bà H đồng ý trả cho bà N số tiền 420.000.000 đồng tuy nhiên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc yêu cầu trả dần của bà H nguyên đơn không đồng ý và cũng thuộc giai đoạn Thi hành án nên không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí số tiền 20.800.000 (hai mươi triệu tám trăn nghìn) đồng và phải nộp đủ số tiền này.

Bà Cam Yến N phải chịu án phí số tiền 20.800.000 (hai mươi triệu tám trăn nghìn) đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 328 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu một phần khởi kiện của bà Cam Yến N đối với bà Nguyễn Thị Bé H về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Hường có nghĩa vụ trả cho bà Cam Yến N số tiền 420.000.000 (bốn trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cam Yến N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả phạt cọc số tiền 420.000.000 (bốn trăm hai mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí số tiền 20.800.000 (hai mươi triệu tám trăm nghìn) đồng và phải nộp đủ số tiền này.

Bà Cam Yến N phải chịu án phí số tiền 20.800.000 (hai mươi triệu tám trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.600.000 (mười tám triệu sáu trăm nghìn) đồng biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0004822 ngày 20/3/2024, bà Cam Yến N còn phải nộp 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang **Lê Văn Cảnh** **Lê Thị Hồng Đang**